

Số: 339/CMF
V/v điều chỉnh thông tin
sản phẩm

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Sở An Toàn Thực Phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex đã gửi đến Sở An toàn Thực phẩm Bản Tự Công Bố cho các sản phẩm theo danh sách dưới đây mà Công ty đang kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.

STT	Ngày	Số hồ sơ	Tên sản phẩm
01	26/08/2025	89/CHOLIMEX FOOD/2025	NƯỚC MẮM CHOLIMEX 40° ĐẠM
02	26/08/2025	70/CHOLIMEX FOOD/2025	NƯỚC MẮM CHOLIMEX 35° ĐẠM
03	28/07/2025	90/CHOLIMEX FOOD/2025	NƯỚC MẮM CHOLIMEX 30° ĐẠM
04	29/08/2025	60/CHOLIMEX FOOD/2025	NƯỚC MẮM NGUYÊN CHẤT 40 ĐỘ ĐẠM

Nay, Công ty xin điều chỉnh lại thông tin trên hồ sơ Tự công bố của các sản phẩm, cụ thể: cập nhật bản tiêu chuẩn kỹ thuật mới cho 4 sản phẩm trên.

Các thông tin đã công bố trong Bản Tự Công Bố về sản phẩm không thay đổi.

Nay, Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex gửi Công văn thông báo đến Sở An toàn Thực phẩm về việc điều chỉnh này.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đúng Bản Tự Công Bố về sản phẩm đã công bố, thực hiện ghi nhãn theo đúng quy định hiện hành, chịu trách nhiệm về nhãn hàng hóa nếu có vi phạm về sở hữu công nghiệp; đồng thời sẽ tự công bố việc điều chỉnh thông tin này trên website của Công ty, hoàn toàn chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng và cơ quan quản lý Nhà nước về những vi phạm nếu không thực hiện đúng cam kết.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PKTh- L (03)



Nguyễn Chi Huyền Trang



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Sản phẩm: NƯỚC MẮM CHOLIMEX 40⁰ ĐẠM

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Từ nâu vàng đến nâu đậm, đặc trưng của sản phẩm
- Độ trong: Trong, không vẩn đục, không lắng cặn ngoại trừ các tinh thể muối (có thể có)
- Mùi: Đặc trưng của nước mắm, không có mùi lạ
- Vị: Vị ngọt của đậm, hậu vị rõ, mặn nhưng không mặn chát
- Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường: Không có.

2. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
01	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10 ⁴
02	<i>Coliform</i>	CFU/ml	10 ²
03	<i>E.coli</i>	CFU/ml	1
04	<i>S.aureus</i>	MPN/ml	3
05	<i>Cl.perfringens</i>	CFU/ml	10
06	<i>Salmonella</i>	/25ml	Không có
07	<i>V.parahaemolyticus</i>	CFU/ml	10

3. Hàm lượng kim loại nặng: (Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT, mục II.1.19, mục II.2.31, mục II.3.40, mục II.4.16)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
01	As vô cơ	mg/l	1
02	Cd	mg/l	1
03	Pb	mg/l	2
04	Hg	mg/l	0,05

4. Các chỉ tiêu chất lượng khác:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
01	Hàm lượng nitơ tổng số	g/l	38 - 44
02	Hàm lượng nitơ axit amin, tính bằng % so với hàm lượng nitơ tổng số	%	45 - 70
03	Hàm lượng nitơ amoniac, tính bằng % so với hàm lượng nitơ tổng số	%	10 - 15
04	Độ pH	-	4,5 - 6,5
05	Hàm lượng muối, biểu thị bằng natri clorua	g/l	190 - 186



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

Văn phòng và Nhà máy tại TP.HCM (EU CODE: DL 62, NM 556)

Ⓜ Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7,

KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh.

Nhà máy Chế Biến Thực Phẩm Cholimex Food Bến Lức (EU CODE: TS 1265, KL 1282)

Ⓜ Lô C3-19, C3-24, Đường VL7,

KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh

☎ (028) 3765 3389

☎ (028) 3765 3025

☎ (0272) 3883666

✉ cholimexfood@cholimexfood.com.vn

🌐 www.cholimexfood.com.vn



MST: 0304 475 742

5. Thành phần dinh dưỡng:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
01	Năng lượng	kcal/ 100 ml	84,8 - 127,2
02	Chất đạm	g/100 ml	20,9 - 31,3
03	Carbohydrat	g/100 ml	0,26 - 0,4
04	Chất béo	g/100 ml	0
05	Natri	mg/ 100 ml	7648 - 11472

Ngày phê duyệt: 20/12/2025

Người phê duyệt:



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Huyền Trang



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Sản phẩm: NƯỚC MẮM CHOLIMEX 35⁰ ĐẠM

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Từ nâu vàng đến nâu đậm, đặc trưng của sản phẩm
- Độ trong: Trong, không vẩn đục, không lắng cặn ngoại trừ các tinh thể muối (có thể có)
- Mùi: Đặc trưng của nước mắm, không có mùi lạ
- Vị: Vị ngọt của đậm, hậu vị rõ, mặn nhưng không mặn chát
- Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường: Không có.

2. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
01	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10 ⁴
02	Coliform	CFU/ml	10 ²
03	<i>E.coli</i>	CFU/ml	1
04	<i>S.aureus</i>	MPN/ml	3
05	<i>Cl.perfringens</i>	CFU/ml	10
06	<i>Salmonella</i>	/25ml	Không có
07	<i>V.parahaemolyticus</i>	CFU/ml	10

3. Hàm lượng kim loại nặng: (Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT, mục II.1.19, mục II.2.31, mục II.3.40, mục II.4.16)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
01	As vô cơ	mg/l	1
02	Cd	mg/l	1
03	Pb	mg/l	2
04	Hg	mg/l	0,05

4. Các chỉ tiêu chất lượng khác:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
01	Hàm lượng nitơ tổng số	g/l	33 - 40
02	Hàm lượng nitơ axit amin, tính bằng % so với hàm lượng nitơ tổng số	%	48 - 72
03	Hàm lượng nitơ amoniac, tính bằng % so với hàm lượng nitơ tổng số	%	8 - 13
04	Độ pH		4,5 - 6,5
05	Hàm lượng muối, biểu thị bằng natri clorua	g/l	190 - 285



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

Văn phòng và Nhà máy tại TP.HCM (EU CODE: DL 62, NM 556)

☎ Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7,
KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh.

☎ (028) 3765 3389

☎ (028) 3765 3025

Nhà máy Chế Biến Thực Phẩm Cholimex Food Bến Lức (EU CODE: TS 1265, KL 1282)

☎ Lô C3-19, C3-24, Đường VL7,

☎ (0272) 3883666

KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh

✉ cholimexfood@cholimexfood.com.vn
🌐 www.cholimexfood.com.vn



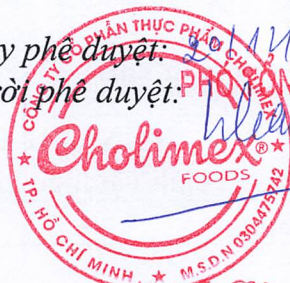
MST: 0304 475 742

5. Thành phần dinh dưỡng:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
01	Năng lượng	kcal/ 100 ml	77,6 - 116,4
02	Chất đạm	g/100 ml	19,04 - 28,56
03	Carbohydrat	g/100 ml	0,29 - 0,45
04	Chất béo	g/100 ml	0
05	Natri	mg/ 100 ml	7720 - 11580

Ngày phê duyệt: 10/11/2025

Người phê duyệt: *[Signature]*



Nguyễn Thị Huyền Trang



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Sản phẩm: NƯỚC MẮM CHOLIMEX 30° ĐẠM

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Từ nâu vàng đến nâu đậm, đặc trưng của sản phẩm.
- Độ trong: Trong, không vẩn đục, không lắng cặn ngoại trừ các tinh thể muối (có thể có).
- Mùi: Đặc trưng của nước mắm, không có mùi lạ.
- Vị: Vị ngọt của đậm, hậu vị rõ, mặn nhưng không mặn chát
- Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường: Không có.

2. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
01	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10^4
02	<i>Coliforms</i>	CFU/ml	10^2
03	<i>E.coli</i>	CFU/ml	1
04	<i>S.aureus</i>	CFU/ml	3
05	<i>Cl.perfringens</i>	CFU/ml	10
06	<i>Salmonella</i>	/25ml	Không có
07	<i>V.parahaemolyticus</i>	CFU/ml	10

3. Hàm lượng kim loại nặng: (Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT, mục II.1.19, mục II.2.31, mục II.3.40, mục II.4.16)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
01	As vô cơ	mg/l	1
02	Cd	mg/l	1
03	Pb	mg/l	2
04	Hg	mg/l	0,05

4. Các chỉ tiêu chất lượng khác: (Phù hợp TCVN 5107:2018)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
01	Hàm lượng nitơ tổng số	g/l	28 - 34
02	Hàm lượng nitơ axit amin, tính bằng % so với hàm lượng nitơ tổng số	%	35 - 70
03	Hàm lượng nitơ amoniac, tính bằng % so với hàm lượng nitơ tổng số	%	5 - 30
04	Độ pH		4,5 - 6,5
05	Hàm lượng muối, biểu thị bằng natri clorua	g/l	200 - 280



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

Văn phòng và Nhà máy tại TP.HCM (EU CODE: DL 62, NM 556)

Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7,
KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh.

(028) 3765 3389

(028) 3765 3025

Nhà máy Chế Biến Thực Phẩm Cholimex Food Bến Lức (EU CODE: TS 1265, KL 1282)

Lô C3-19, C3-24, Đường VL7,

(0272) 3883666

KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh

cholimexfood@cholimexfood.com.vn

www.cholimexfood.com.vn



MST: 0304 475 742

5. Thành phần dinh dưỡng:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
01	Năng lượng	kcal/ 100 ml	67,2 - 100,8
02	Chất đạm	g/100 ml	16,4 - 24,6
03	Carbohydrat	g/100 ml	0,3 - 0,46
04	Chất béo	g/100 ml	0
05	Natri	mg/ 100 ml	8160 - 12240

Ngày phê duyệt: 20/12/2025

Người phê duyệt:



Nguyễn Chi Huyền Trang



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Sản phẩm: NƯỚC MẮM NGUYÊN CHẤT 40 ĐỘ ĐẠM

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Từ nâu vàng đến nâu đậm, đặc trưng của sản phẩm
- Độ trong: Trong, không vẩn đục, không lắng cặn ngoại trừ các tinh thể muối (có thể có)
- Mùi: Mùi đặc trưng của nước mắm, không có mùi lạ
- Vị: Vị ngọt của đậm, hậu vị rõ, mặn nhưng không mặn chát
- Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường: Không có.

2. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
01	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10 ⁴
02	Coliform	CFU/ml	10 ²
03	<i>E.Coli</i>	CFU/ml	1
04	<i>S.aureus</i>	MPN/ml	3
05	<i>Cl.Perfringens</i>	CFU/ml	10
06	<i>Salmonella</i>	/25ml	Không có
07	<i>V.parahaemolyticus</i>	CFU/ml	10

3. Hàm lượng kim loại nặng: (Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT, mục II.1.19, mục II.2.31, mục II.3.40, mục II.4.16)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
01	As vô cơ	mg/l	1
02	Cd	mg/l	1
03	Pb	mg/l	2
04	Hg	mg/l	0,05

4. Các chỉ tiêu chất lượng khác:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
01	Hàm lượng nitơ tổng số	g/l	38 - 45
02	Hàm lượng nitơ axit amin, tính bằng % so với hàm lượng nitơ tổng số	%	44 - 66
03	pH		4,5 - 6,7
04	Hàm lượng nitơ amoniac, tính bằng % so với hàm lượng nitơ tổng số	%	7,5 - 11,4
05	Hàm lượng muối, biểu thị theo Natri clorua	g/l	230 - 290



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

Văn phòng và Nhà máy tại TP.HCM (EU CODE: DL 62, NM 556)

☎ Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7,

☎ (028) 3765 3389

KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh.

☎ (028) 3765 3025

Nhà máy Chế Biến Thực Phẩm Cholimex Food Bến Lức (EU CODE: TS 1265, KL 1282)

☎ Lô C3-19, C3-24, Đường VL7,

☎ (0272) 3883666

KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh

✉ cholimexfood@cholimexfood.com.vn

🌐 www.cholimexfood.com.vn



MST: 0304 475 742

5. Thành phần dinh dưỡng:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
01	Năng lượng	kcal/ 100 ml	91,2 - 136,8
02	Chất đạm	g/100 ml	22,48 - 33,72
03	Carbohydrat	g/100 ml	0,31 - 0,47
04	Chất béo	g/100 ml	0
05	Natri	mg/ 100 ml	7720 - 11580

Ngày phê duyệt: 21/12/2025

Người phê duyệt:

PHẦN THỰC PHẨM
CHOLIMEX FOODS
TP. HỒ CHÍ MINH
M.S.D.N 0304475742
NGUYỄN CHỊ HUYỀN TRANG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC